

# Phát triển tài liệu giáo dục ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc thiểu số Việt Nam

Hoàng Vân Trang\*

\*ThS, Khoa SPTA, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia, HN

Received: 10/6/2024; Accepted: 16/6/2024; Published: 27/6/2024

**Abstract:** To teach Vietnamese as a second language to the ethnic minority students, suitable materials should be fully selected and designed. Also, the development of materials to teach Vietnamese as a second language to the ethnic minority students in the mountainous areas requires a comprehensive and flexible approach. By combining thorough research, detailed curriculum design, developing appropriate materials, and adopting effective teaching methods, we can help ethnic minority students acquire and use Vietnamese with confidence and proficiency.

**Keywords:** Second language, teaching materials, development, ethnic minority students

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục ngôn ngữ thứ hai là quá trình giảng dạy và học tập một ngôn ngữ mới (thường được gọi là ngôn ngữ thứ hai hoặc L2) cho người học, người đã có kiến thức hoặc kỹ năng trong một ngôn ngữ khác (thường là tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ nhất - L1). Mục tiêu là giúp người học phát triển kỹ năng giao tiếp, hiểu biết văn hóa, và sử dụng ngôn ngữ thứ hai một cách hiệu quả trong các tình huống hàng ngày và học tập (Krashen, 1992). Quá trình này thường tập trung vào các kỹ năng cơ bản như nghe, nói, đọc và viết, và khuyến khích sự tương tác xã hội và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Ngoài ra, giáo dục ngôn ngữ thứ hai cũng có thể bao gồm việc giảng dạy về văn hóa, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng học thuật khác. Trong quá trình này, các yếu tố như độ tuổi, động lực, môi trường học tập và PPDH đều có thể ảnh hưởng đến quá trình học của người học. Việc thúc đẩy sự tự tin và sự linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai cũng là một phần quan trọng. Tuy nhiên, cần quan tâm tới mối quan hệ giữa giáo dục ngôn ngữ thứ nhất (ngôn ngữ mẹ đẻ) và giáo dục ngôn ngữ thứ hai. Mối quan hệ này dựa trên các yếu tố như chuyên giao tri thức, quá trình nhận thức, năng lực ngôn ngữ, PPDH, và các yếu tố văn hóa xã hội.

Như vậy, giáo dục ngôn ngữ thứ hai cho HS dân tộc thiểu số Việt Nam được xem như là quá trình giảng dạy và học tập ngôn ngữ thứ hai nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp và hiểu biết văn hóa của người học trong ngữ cảnh thực tế và học thuật. Tuy nhiên, việc phát triển giảng dạy ngôn ngữ thứ hai cũng ý nghĩa quan trọng trong quá trình này vì đa số các HS

dân tộc thiểu số đều học đều có tiếng mẹ đẻ là tiếng của dân tộc mình, ngôn ngữ thứ hai là tiếng Việt mà đa số HS ít được tiếp cận với tiếng Việt. Ngoài ra, cơ sở vật chất, các trang thiết bị tại các trường còn thiếu thốn, chưa được tiếp cận nhiều với các công nghệ hiện đại. Hơn thế nữa, phần nhiều các GV lại không thông thạo tiếng mẹ đẻ của HS nên việc giao tiếp và giảng dạy cũng gặp nhiều khó khăn trở ngại. Bài báo này sẽ đề cập tới vai trò và các cách phát triển tài liệu giáo dục ngôn ngữ thứ hai cho HS dân tộc thiểu số Việt Nam để phù hợp với các đặc điểm của HS, GV nơi đây.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của phát triển tài liệu giáo dục ngôn ngữ thứ hai

Việc phát triển tài liệu dạy ngôn ngữ thứ hai đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình giảng dạy và học tập ngôn ngữ. Phát triển giảng dạy ngôn ngữ thứ hai cho HS dân tộc thiểu số ở Việt Nam đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập xã hội. Trước hết, việc này giúp HS dân tộc thiểu số cải thiện khả năng ngôn ngữ tiếng Việt, từ đó thuận lợi hơn trong việc tiếp thu các kiến thức khác và tham gia vào các hoạt động học tập chung (Cummins, 1979). Đồng thời, hiểu và sử dụng tốt tiếng Việt giúp các em tự tin hơn trong giao tiếp hàng ngày, mở ra nhiều cơ hội trong tương lai về học tập và việc làm. Phát triển giảng dạy ngôn ngữ thứ hai còn giúp bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, khi các em có thể giao lưu, học hỏi và truyền bá văn hóa của mình cho cộng đồng. Ngoài ra, việc thiết kế tài liệu giảng dạy phù hợp với đặc thù văn hóa và ngôn ngữ của HS dân tộc thiểu số sẽ làm giảm

khoảng cách về trình độ học vấn giữa các vùng miền và thúc đẩy sự công bằng trong giáo dục (Richards, 2001).

Ngoài ra, phát triển tài liệu giảng dạy ngôn ngữ thứ hai có tầm quan trọng vô cùng lớn đối với GV, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục hiện nay. Trước hết, tài liệu giảng dạy được thiết kế kỹ lưỡng và phù hợp giúp GV có nguồn tư liệu đáng tin cậy, hỗ trợ việc chuẩn bị bài giảng và quản lý lớp học hiệu quả hơn (Richards & Rodgers, 2001). Tài liệu tốt cung cấp cho GV các PPDH mới và đa dạng, giúp họ có thể điều chỉnh linh hoạt theo từng đối tượng HS và từng hoàn cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, tài liệu giảng dạy cũng là công cụ quan trọng để GV đánh giá và theo dõi tiến bộ của HS, từ đó đưa ra các chiến lược giảng dạy phù hợp để cải thiện kết quả học tập (Brown, 2007). Phát triển tài liệu còn giúp GV tiết kiệm thời gian và công sức trong việc tìm kiếm và biên soạn nội dung giảng dạy, từ đó họ có thể tập trung hơn vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ học sinh. Thêm vào đó, tài liệu giảng dạy chất lượng cao cung cấp nền tảng vững chắc cho sự phát triển chuyên môn của GV, giúp họ cập nhật kiến thức và kỹ năng mới, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp. Cuối cùng, sự hỗ trợ từ tài liệu giảng dạy giúp GV tạo ra môi trường học tập phong phú và kích thích, khuyến khích sự tương tác và tham gia tích cực từ học sinh, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục.

## **2.2. Phát triển tài liệu giáo dục ngôn ngữ thứ hai**

### **2.2.1. Nghiên cứu nhu cầu của học sinh**

Trước khi phát triển tài liệu, việc nghiên cứu và hiểu rõ nhu cầu, trình độ và mục tiêu học tập của HS là rất quan trọng. Điều này giúp đảm bảo rằng tài liệu sẽ phù hợp và hiệu quả với đối tượng HS cụ thể (Graves, 2000). HS dân tộc thiểu số có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng dân tộc của các em, và tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai. Tuy nhiên, tiếng Việt lại đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống và học tập của các em. Vì vậy, nghiên cứu nhu cầu của HS dân tộc thiểu số Việt Nam là một bước quan trọng trong việc phát triển tài liệu giảng dạy ngôn ngữ thứ hai, nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của chương trình học. HS dân tộc thiểu số thường có những đặc điểm và nhu cầu riêng biệt do sự khác biệt về ngôn ngữ mẹ đẻ, văn hóa, và điều kiện sống. Việc nghiên cứu này cần được thực hiện kỹ lưỡng thông qua các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn, và quan sát trực tiếp. Kết quả từ các nghiên cứu này giúp các nhà giáo dục hiểu rõ hơn về trình độ ngôn ngữ hiện tại, mục tiêu học tập, các khó khăn gặp phải trong quá trình học

tập, cũng như các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến việc học của HS. Ngoài ra, nghiên cứu cũng giúp xác định các PPDH và tài liệu học tập phù hợp nhất, đảm bảo rằng HS dân tộc thiểu số không chỉ học ngôn ngữ thứ hai một cách hiệu quả mà còn duy trì và phát triển ngôn ngữ và văn hóa bản địa của mình. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mà còn hỗ trợ quá trình hòa nhập và phát triển toàn diện của HS dân tộc thiểu số trong xã hội hiện đại.

### **2.2.2. Thiết kế chương trình học linh hoạt**

Một chương trình học linh hoạt, dễ dàng điều chỉnh theo tình huống và nhu cầu thực tế của HS sẽ giúp tài liệu giảng dạy trở nên thực tế và hiệu quả hơn. Việc này có thể bao gồm việc xây dựng các bài học theo mô-đun, cho phép GV dễ dàng chọn lựa và sắp xếp nội dung giảng dạy (Richards, 2001). Thiết kế chương trình linh hoạt cho HS dân tộc thiểu số là một yếu tố quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và đặc thù của nhóm HS này. Chương trình cần được xây dựng dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa, ngôn ngữ và hoàn cảnh sống của HS, đảm bảo tính tương thích và hiệu quả trong việc truyền đạt kiến thức. Sự linh hoạt trong chương trình cho phép điều chỉnh nội dung và PPDH theo từng giai đoạn phát triển của HS, đồng thời thích ứng với những thay đổi và yêu cầu thực tiễn. Ví dụ, việc tích hợp các hoạt động văn hóa địa phương vào bài giảng không chỉ giúp HS dễ dàng tiếp thu kiến thức mới mà còn khơi gợi niềm tự hào và tình yêu đối với bản sắc dân tộc. Hơn nữa, chương trình linh hoạt cũng cần cung cấp các lựa chọn học tập đa dạng, từ hình thức học trực tuyến đến các lớp học tại cộng đồng, giúp HS và gia đình có thể lựa chọn phương thức học tập phù hợp nhất. Nhờ đó, HS dân tộc thiểu số không chỉ nắm vững ngôn ngữ thứ hai mà còn phát triển toàn diện về trí tuệ, kỹ năng xã hội và giá trị văn hóa.

### **2.2.3. Sử dụng công nghệ**

Áp dụng các công cụ và nền tảng công nghệ trong việc phát triển tài liệu có thể tạo ra các tài liệu tương tác, sinh động và thu hút HS. Các ứng dụng học tập, phần mềm giảng dạy, và các tài nguyên trực tuyến có thể cung cấp các bài tập, video, và các hoạt động tương tác (Chapelle & Jamieson, 2008). Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ cho HS dân tộc thiểu số còn khá hạn chế do điều kiện về CSVC và trang thiết bị còn chưa được đầu tư sâu rộng đặc biệt là trong các điểm trường nhỏ lẻ ở các vùng núi hẻo lánh phía Bắc còn chưa có điện, chưa có đủ lớp học, giáo viên còn phải dạy lớp ghép.

### **2.2.4. Kết hợp các PPDH đa dạng**

Phát triển tài liệu cần bao gồm sự kết hợp của nhiều PPDH khác nhau như phương pháp giao tiếp, phương pháp trực tiếp, phương pháp ngữ pháp-dịch thuật và phương pháp tổng hợp. Việc này giúp đáp ứng được các phong cách học tập khác nhau của HS (Larsen-Freeman, 2000). Kết hợp PPDH đa dạng cho HS dân tộc thiểu số là một yếu tố thiết yếu nhằm đảm bảo sự hiệu quả và bền vững trong quá trình giáo dục. Việc sử dụng nhiều PPDH không chỉ giúp HS tiếp thu kiến thức một cách dễ dàng hơn mà còn tạo ra môi trường học tập sinh động và thú vị. Các phương pháp như học tập dựa trên dự án, học qua chơi, hoặc học thông qua các hoạt động ngoại khóa có thể giúp học sinh liên kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào giảng dạy cũng mở ra nhiều cơ hội học tập mới, giúp HS tiếp cận với nguồn tài liệu phong phú và hiện đại. Đặc biệt, việc kết hợp PPDH truyền thống của dân tộc với các phương pháp hiện đại sẽ tạo ra sự kết nối văn hóa, giúp HS cảm thấy gần gũi và tự hào về bản sắc dân tộc. Nhờ đó, HS dân tộc thiểu số không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo và kỹ năng giao tiếp một cách toàn diện.

#### 2.2.5. Sử dụng các yếu tố văn hóa

Tài liệu giảng dạy ngôn ngữ thứ hai nên tích hợp các yếu tố văn hóa và tình huống thực tế để giúp HS không chỉ học ngôn ngữ mà còn hiểu về văn hóa và cách sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế (Byram, 1997). Việc sử dụng các yếu tố văn hóa trong phát triển tài liệu giảng dạy cho HS dân tộc miền núi là vô cùng quan trọng và có ảnh hưởng sâu rộng đến quá trình học tập của các em. Đầu tiên, việc nghiên cứu và hiểu sâu về văn hóa dân tộc giúp các nhà GV và nhà phát triển tài liệu có cái nhìn rõ hơn về giá trị, tín ngưỡng và truyền thống văn hóa của các em. Bằng cách này, tài liệu giảng dạy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn giúp tôn vinh và bảo tồn những giá trị văn hóa đặc biệt của cộng đồng dân tộc. Thứ hai, việc lồng ghép các yếu tố văn hóa vào các hoạt động học tập giúp tạo ra môi trường học tập gần gũi và thân thuộc hơn đối với HS. Bằng cách sử dụng các truyện ngụ ngôn, câu chuyện dân gian, hay các trò chơi truyền thống trong tài liệu giảng dạy, các em dễ dàng hứng thú và tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên và sinh động hơn. Ngoài ra, việc khuyến khích sử dụng ngôn ngữ và văn hóa bản địa trong quá trình giảng dạy cũng giúp HS phát triển và bảo tồn những cụm từ, thành ngữ và ca dao đặc trưng của dân tộc miền núi. Điều này không chỉ tăng cường kỹ

năng ngôn ngữ mà còn giúp xây dựng lòng tự hào với văn hóa của mình. Cuối cùng, việc phát triển tài liệu giảng dạy phải linh hoạt và đổi mới để phù hợp với các đặc thù văn hóa và môi trường học tập của HS dân tộc miền núi. Điều này giúp đảm bảo rằng các hoạt động giảng dạy không chỉ mang tính hiệu quả mà còn thúc đẩy sự đồng thuận và hợp tác trong quá trình học tập của các em.

### 3. Kết luận

Việc phát triển tài liệu giáo dục ngôn ngữ thứ hai cho HS dân tộc thiểu số tại Việt Nam có vai trò hết sức quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục và giảm bớt khoảng cách về ngôn ngữ cho các em, đảm bảo sự công bằng trong giáo dục với các HS ở các vùng miền. Việc phát triển tài liệu không chỉ phải phản ánh đầy đủ và chính xác các nhu cầu học tập của HS mà còn phải tôn vinh và bảo tồn các giá trị văn hóa, ngôn ngữ của các cộng đồng dân tộc. Việc thiết kế tài liệu linh hoạt, đa dạng và sáng tạo, kết hợp các yếu tố văn hóa đặc trưng, sẽ giúp HS dễ dàng tiếp cận và tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả. Đồng thời, việc áp dụng các PPDH đa dạng và phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội của HS dân tộc thiểu số cũng là yếu tố quan trọng để khuyến khích sự hứng thú và tham gia tích cực trong quá trình học tập. Chúng ta cần nhấn mạnh vào việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, nơi mà HS được khuyến khích và tự tin sử dụng ngôn ngữ thứ hai một cách linh hoạt và thành thạo. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà giáo, nhà nghiên cứu giáo dục và cộng đồng dân tộc, cùng với sự hỗ trợ từ các cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Đây là một công việc dài hơi nhưng mang lại lợi ích bền vững và to lớn cho sự phát triển giáo dục của đất nước, đồng thời góp phần xây dựng một xã hội hài hòa về văn hóa và ngôn ngữ.

#### Tài liệu tham khảo

1. Byram, M. (1997). Teaching and assessing intercultural communicative competence. *Multilingual Matters*.
2. Chapelle, C. A., & Jamieson, J. (2008). *Tips for Teaching with CALL: Practical Approaches to Computer-Assisted Language Learning*. Pearson Education.
3. Cummins, J. (1979), *Linguistics Interdependence and the Educational Development of Bilingual Children*, *Review of Educational Research*, 49(2), 222-251.
4. Gass, S.M., & Selinker, L. (2008), *Second Language Acquisition: An Introduction Course* (3rd ed.). Routledge.